

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM

DANH SÁCH THEO DÕI SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 24 NỢ TIỀN HỌC PHÍ

Tính đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2026

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26
1	506240154	Phan Trung	Du	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
2	506240069	Lưu Kiến	Hòa	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
3	506240056	Tạ Văn	Hùng	CD24CM1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
4	506240082	Nguyễn Thanh	Huy	CD24CM1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
5	506240426	Nguyễn Võ Trung	Kiên	CD24CM1		5,940,000			5,940,000	5,940,000
6	506240191	Nguyễn Tuấn	Kiệt	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
7	506240051	Lê Quang	Luật	CD24CM1		8,910,000			8,910,000	8,910,000
8	506240381	Lê Tấn	Lực	CD24CM1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
9	506240378	Mai Cao	Phát	CD24CM1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
10	506240417	Nguyễn Phạm Đăng	Phi	CD24CM1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
11	506240091	Nguyễn Phước	Sang	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
12	506240141	Huỳnh Tấn	Tài	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
13	506240277	Võ Đức Quốc	Thắng	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
14	506240238	Trương Thành	Vinh	CD24CM1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
15	501240322	Đỗ Hoàng Minh	Châu	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
16	501240101	Nguyễn Minh	Đức	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
17	501240255	Trần Huỳnh Bảo	Duy	CD24CT_CL	3,200,000	10,880,000			10,880,000	14,080,000
18	501240275	Nguyễn Huy	Hoàng	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
19	501240105	Hứa Thành	Huy	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
20	501240237	Ngô Gia	Huy	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
21	501240371	Phạm Quốc	Huy	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
22	501240267	Lê Tuấn	Khang	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
23	501240329	Trịnh Anh	Khiêm	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
24	501240178	Lê Đỗ Đăng	Khôi	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
25	501240339	Đỗ Nguyễn Thành	Lộc	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
26	501240305	Bùi Minh	Nhật	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
27	501240314	Đặng Tấn	Tài	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
28	501240183	Nguyễn Ngọc	Thành	CD24CT_CLC		10,880,000			10,880,000	10,880,000
29	501240041	Lê Minh	Đức	CD24CT1		4,455,000			4,455,000	4,455,000
30	501240001	Nguyễn Ngọc	Dũng	CD24CT1		4,455,000			4,455,000	4,455,000
31	501240013	Trần Trương Đăng	Khoa	CD24CT1	6,435,000	4,950,000			4,950,000	11,385,000
32	501240007	Nguyễn Đức	Lập	CD24CT1		5,445,000			5,445,000	5,445,000
33	501240021	Trần Văn	Tứ	CD24CT1		4,455,000			4,455,000	4,455,000
34	501240380	Nguyễn Trần Phúc	An	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
35	501240396	Lê Quốc	Anh	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
36	501240026	Nguyễn Văn	Đạt	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
37	501240210	Nguyễn Ngọc	Huy	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
38	501240331	Phạm Vinh	Quang	CD24CT11	1,485,000	5,445,000			5,445,000	6,930,000
39	501240044	Hoàng Diên Tấn	Tài	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
40	501240241	Trương Nguyễn Đức	Thịnh	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Truoc	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26
41	501240243	Nguyễn Văn	Triều	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
42	501240274	Trương Ngọc	Trường	CD24CT11		5,445,000			5,445,000	5,445,000
43	501240136	Lương Vĩ	An	CD24CT2		8,910,000			8,910,000	8,910,000
44	501240164	Nguyễn Xuân	An	CD24CT2		6,930,000			6,930,000	6,930,000
45	501240209	Trần Gia	Bảo	CD24CT2		8,910,000			8,910,000	8,910,000
46	501240148	Phạm Tiến	Đạt	CD24CT2		5,940,000	3,960,000		1,980,000	1,980,000
47	501240233	Trần Quốc	Huy	CD24CT2		7,425,000	5,940,000		1,485,000	1,485,000
48	501240119	Hà Duy	Khánh	CD24CT2		6,930,000			6,930,000	6,930,000
49	501240111	Mai Tiểu	Long	CD24CT2		8,910,000			8,910,000	8,910,000
50	501240229	Lâm Đăng	Quang	CD24CT2	1,980,000	4,950,000			4,950,000	6,930,000
51	501240248	Nguyễn Hoàng	Thông	CD24CT2		8,910,000	7,920,000		990,000	990,000
52	501240045	Lê Minh	Trí	CD24CT2		7,425,000			7,425,000	7,425,000
53	501240151	Cao Nhật	Trường	CD24CT2		6,930,000	4,455,000		2,475,000	2,475,000
54	501240125	Nguyễn Hoàng	Việt	CD24CT2		8,910,000			8,910,000	8,910,000
55	501240254	Trần Khánh	Vy	CD24CT2		5,445,000	2,970,000		2,475,000	2,475,000
56	501240309	Phan Ngọc Khánh	An	CD24CT3		9,900,000			9,900,000	9,900,000
57	501240067	Trần Hoài	Anh	CD24CT3		8,910,000			8,910,000	8,910,000
58	501240186	Trần Thành	Đạt	CD24CT3		8,910,000			8,910,000	8,910,000
59	501240252	Võ Tuấn	Đạt	CD24CT3		3,960,000			3,960,000	3,960,000
60	501240312	Trần Triều	Đức	CD24CT3		8,910,000			8,910,000	8,910,000
61	501240232	Nguyễn Tấn Tường	Huy	CD24CT3		7,425,000			7,425,000	7,425,000
62	501240064	Nguyễn Chấn	Khang	CD24CT3		7,920,000			7,920,000	7,920,000
63	501240303	Trương Phúc	Khang	CD24CT3		10,395,000			10,395,000	10,395,000
64	501240177	Nguyễn Hoài	Nam	CD24CT3	8,910,000	7,920,000			7,920,000	16,830,000
65	501240185	Ngô Đăng	Quang	CD24CT3		5,940,000			5,940,000	5,940,000
66	501240159	Ngô Mai Quốc	Vương	CD24CT3		3,465,000			3,465,000	3,465,000
67	501240027	Lê Quang	An	CD24CT4		2,970,000			2,970,000	2,970,000
68	501240364	Nguyễn Ngọc Anh	Bằng	CD24CT4		4,950,000			4,950,000	4,950,000
69	501240361	Nguyễn Chí	Bảo	CD24CT4		4,455,000			4,455,000	4,455,000
70	501240404	Trần Như	Đạt	CD24CT4		2,970,000			2,970,000	2,970,000
71	501240317	Hồ Thị Nguyệt	Gấm	CD24CT4		9,405,000			9,405,000	9,405,000
72	501240394	Nguyễn Gia	Hưng	CD24CT4	990,000	8,910,000			8,910,000	9,900,000
73	501240408	Đinh Quốc	Huy	CD24CT4	4,455,000	6,435,000			6,435,000	10,890,000
74	501240365	Lê Nguyễn Duy	Khánh	CD24CT4		8,910,000			8,910,000	8,910,000
75	501240341	Lê Minh	Khôi	CD24CT4	3,465,000	2,970,000			2,970,000	6,435,000
76	501240319	Lương Minh	Nhật	CD24CT4		4,455,000			4,455,000	4,455,000
77	501240084	Lương Yến	Nhi	CD24CT4		5,940,000			5,940,000	5,940,000
78	501240344	Trần Trung	Phát	CD24CT4		7,920,000			7,920,000	7,920,000
79	501240313	Ngô Nguyễn Chí	Tâm	CD24CT4		8,910,000	1,980,000		6,930,000	6,930,000
80	501240271	Nguyễn Minh	Trường	CD24CT4		8,910,000	1,980,000		6,930,000	6,930,000
81	501240265	Nguyễn Quốc	Việt	CD24CT4	7,920,000	7,425,000			7,425,000	15,345,000
82	501240368	Phạm Minh	Vũ	CD24CT4		8,910,000			8,910,000	8,910,000
83	501240433	Đinh Khải	Khoa	CD24CT7		7,425,000			7,425,000	7,425,000
84	501240434	Nguyễn Anh	Khoa	CD24CT7		10,395,000			10,395,000	10,395,000

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Truoc	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26
85	510240437	Đỗ Thị Thanh	Kiều	CD24CT7	1,485,000	2,475,000			2,475,000	3,960,000
86	510240449	Nguyễn Quốc	Thái	CD24CT7		7,425,000			7,425,000	7,425,000
87	510240347	Nguyễn Quốc	Anh	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
88	510240011	Nguyễn Trần Hoài	Anh	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
89	510240005	Ngô Thị Ngân	Hà	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
90	510240334	Trần Nguyễn Minh	Huy	CD24DH1		4,950,000			4,950,000	4,950,000
91	510240439	Nguyễn Văn Anh	Khoa	CD24DH1		5,940,000			5,940,000	5,940,000
92	510240324	Võ Huỳnh Giáng	My	CD24DH1		4,455,000			4,455,000	4,455,000
93	510240363	Trương Hoàng	Nam	CD24DH1		9,405,000			9,405,000	9,405,000
94	510240318	Đổng Hoàng Trung	Nghĩa	CD24DH1		9,405,000			9,405,000	9,405,000
95	510240359	Cao Khải	Nguyễn	CD24DH1	7,425,000	6,930,000			6,930,000	14,355,000
96	510240443	Nguyễn Thành	Nhân	CD24DH1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
97	510240326	Nguyễn Mạnh	Phú	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
98	510240350	Nguyễn Thị	Quyên	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
99	510240384	Trần Thuý	Quyên	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
100	510240354	Hoàng Gia Thái	Tài	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
101	510240301	Nguyễn Trương	Thiện	CD24DH1	1,485,000	6,435,000			6,435,000	7,920,000
102	510240409	Mai Yến	Trâm	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
103	510240349	Lê Quang	Trọng	CD24DH1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
104	510240315	Ngô Thế	Trung	CD24DH1		9,405,000			9,405,000	9,405,000
105	510240321	Phạm Ngọc Tường	Vy	CD24DH1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
106	510240153	Trần Ngọc	Anh	CD24DH2		5,940,000			5,940,000	5,940,000
107	510240227	Bùi Hữu	Danh	CD24DH2		7,425,000			7,425,000	7,425,000
108	510240278	Huỳnh Nguyễn Bảo	Duyên	CD24DH2		5,940,000			5,940,000	5,940,000
109	510240175	Trần Cao Kỳ	Duyên	CD24DH2		5,940,000			5,940,000	5,940,000
110	510240205	Nguyễn Ngô Gia	Huy	CD24DH2	3,960,000	5,445,000			5,445,000	9,405,000
111	510240292	Nguyễn Đoàn Việt	Kha	CD24DH2		5,445,000			5,445,000	5,445,000
112	510240211	Bùi Ngọc	Lâm	CD24DH2		9,900,000			9,900,000	9,900,000
113	510240250	Lâm Hồng	Nhật	CD24DH2		5,940,000			5,940,000	5,940,000
114	510240220	Nguyễn Gia	Phát	CD24DH2	1,484,500	6,930,000			6,930,000	8,414,500
115	510240024	Phạm Võ Ngọc	Quế	CD24DH2		5,940,000			5,940,000	5,940,000
116	510240197	Trương Phạm Ngọc	Quyên	CD24DH2		8,415,000			8,415,000	8,415,000
117	510240337	Trương Tiến	Tân	CD24DH2	11,385,000	4,455,000			4,455,000	15,840,000
118	510240272	Võ Lê Minh	Tiến	CD24DH2		9,900,000			9,900,000	9,900,000
119	510240040	Đặng Quốc	Trung	CD24DH2		8,910,000			8,910,000	8,910,000
120	510240180	Trương Thành	Trung	CD24DH2		6,930,000			6,930,000	6,930,000
121	510240025	Huỳnh Tiến	Văn	CD24DH2		4,950,000			4,950,000	4,950,000
122	510240228	Phạm Khánh	Vy	CD24DH2		5,940,000			5,940,000	5,940,000
123	510240047	Nguyễn Huy	Bảo	CD24DH3		10,395,000			10,395,000	10,395,000
124	510240234	Trà Tứ	Đan	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
125	510240190	Lương Quốc	Đạt	CD24DH3		7,425,000			7,425,000	7,425,000
126	510240109	Huỳnh Chí	Hiếu	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
127	510240110	Đặng Nguyễn Đăng	Khoa	CD24DH3		6,435,000			6,435,000	6,435,000
128	510240163	Lê Hoàng	Long	CD24DH3		9,900,000			9,900,000	9,900,000

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Truoc	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26
129	510240121	Hoàng Trọng	Nghĩa	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
130	510240092	Bùi Quách Bảo	Ngọc	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
131	510240118	Trương Văn Hoàng	Phúc	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
132	510240089	Nguyễn Phi Hồ	Quản	CD24DH3		7,920,000			7,920,000	7,920,000
133	510240135	Võ Thanh	Thiên	CD24DH3		5,940,000			5,940,000	5,940,000
134	510240066	Võ Quốc	Thịnh	CD24DH3		6,435,000			6,435,000	6,435,000
135	510240061	Vũ Ngọc Minh	Thư	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
136	510240107	Nguyễn Thị Uyên	Trang	CD24DH3		8,415,000			8,415,000	8,415,000
137	510240230	Phan Gia	Tuệ	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
138	510240127	Châu Hùng	Việt	CD24DH3		5,940,000			5,940,000	5,940,000
139	510240188	Đào Quang	Vinh	CD24DH3		6,930,000			6,930,000	6,930,000
140	510240108	Cao Hải	Yến	CD24DH3		5,940,000			5,940,000	5,940,000
141	510240087	Nguyễn Thị Hồng	Yến	CD24DH3		7,425,000			7,425,000	7,425,000
142	508240386	Phan Thị Vân	Anh	CD24KT1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
143	508240122	Đặng Minh	Khôi	CD24KT1		5,940,000			5,940,000	5,940,000
144	508240287	Trần Ái	Mỹ	CD24KT1	19,800,000	6,930,000	990,000		5,940,000	25,740,000
145	508240256	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	CD24KT1		5,940,000			5,940,000	5,940,000
146	508240257	Cao Minh Thái	Phượng	CD24KT1		5,940,000			5,940,000	5,940,000
147	508240413	Nguyễn Anh	Thư	CD24KT1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
148	511240247	Tạ Hoài	Bảo	CD24LG1	4,950,000	9,405,000			9,405,000	14,355,000
149	501240150	Dương Đình	Đức	CD24LG1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
150	511240375	Tạ Huỳnh Quang	Hạ	CD24LG1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
151	511240144	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	CD24LG1	5,445,000	8,415,000	8,415,000			5,445,000
152	511240096	Nguyễn Bảo	Khuyên	CD24LG1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
153	511240199	Trần Thế	Long	CD24LG1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
154	511240410	Nguyễn Văn Minh	Quốc	CD24LG1		5,445,000			5,445,000	5,445,000
155	511240169	Nguyễn Phước	Sang	CD24LG1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
156	513240073	Trần Thị Minh	Thư	CD24LG1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
157	511240393	Phan Nguyễn Minh	Trí	CD24LG1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
158	514240251	Đinh Xuân	Khiêm	CD24LM1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
159	514240004	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	CD24LM1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
160	518240022	Nguyễn Hoàng	Sang	CD24LM1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
161	514240212	Tạc Quang	Sang	CD24LM1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
162	514240132	Vương Hoàng	Tấn	CD24LM1		6,435,000	2,970,000		3,465,000	3,465,000
163	514240418	Phạm Quang	Thái	CD24LM1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
164	514240081	Phạm Đức	Tín	CD24LM1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
165	514240407	Thái Bá Sông	Vinh	CD24LM1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
166	514240253	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	CD24MK1	6,930,000	2,970,000		45,000	2,925,000	9,855,000
167	512240008	Vũ Tùng	Dương	CD24MK1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
168	512240440	Hồ Thị Minh	Thảo	CD24MK1		7,920,000	2,475,000		5,445,000	5,445,000
169	512240342	Hồ Ngọc Thanh	Tuyền	CD24MK1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
170	507240179	Phạm Thị Huyền	Thường	CD24QT1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
171	513240094	Phạm Quốc	Bảo	CD24TD1		9,405,000			9,405,000	9,405,000
172	513240399	Nguyễn Thị Thu	Mai	CD24TD1		9,405,000			9,405,000	9,405,000

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Truoc	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26
173	513240385	Trần Thị Hồng	Na	CD24TD1		9,405,000			9,405,000	9,405,000
174	513240336	Nguyễn Minh Việt	Tâm	CD24TD1		9,405,000			9,405,000	9,405,000
175	513240276	Nguyễn Thị Thanh	Xuyên	CD24TD1	2,475,000	9,405,000			9,405,000	11,880,000
176	502240137	Hà Quốc	Hội	CD24TM1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
177	502240284	Lương Thế	Nhật	CD24TM1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
178	501240431	Trương Thiệu	Thiên	CD24TM1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
179	517240017	Nguyễn Thị Phương	Anh	CD24TT1	7,425,000	6,930,000			6,930,000	14,355,000
180	501240214	Phạm Tấn	Hiển	CD24TT1		8,415,000			8,415,000	8,415,000
181	517240046	Nguyễn Đan	Hùng	CD24TT1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
182	517240367	Nguyễn Tấn	Khải	CD24TT1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
183	517240152	Dương Quốc	Khánh	CD24TT1		6,930,000			6,930,000	6,930,000
184	501240173	Hoàng Đình Nhật	Nam	CD24TT1		4,950,000			4,950,000	4,950,000
185	517240145	Hoàng Chí	Nhân	CD24TT1		3,960,000			3,960,000	3,960,000
186	517240078	Hồ Thị Kim	Oanh	CD24TT1		6,930,000	1,980,000		4,950,000	4,950,000
187	517240222	Phạm Thị Yến	Vy	CD24TT1		7,920,000			7,920,000	7,920,000
188	518240415	Nguyễn Minh	Khánh	CD24TW1	4,455,000	9,900,000			9,900,000	14,355,000
189	518240264	Hồ Khải	Kiệt	CD24TW1		8,910,000			8,910,000	8,910,000
190	518240052	Dư Bảo	Nhân	CD24TW1		6,435,000			6,435,000	6,435,000
					117,544,500.	1,382,395,000.	46,035,000.	45,000.	1,336,315,000	1,453,859,500

HIỆU TRƯỞNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LẬP BẢNG

